TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HNGĐ - ST
Ngày 14-4-2023
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tuấn Anh.

2. Ông Nguyễn Trường Dũng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2022/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị C, sinh năm 1991; địa chỉ: Bản B, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Văn C1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lò Thị C trình bày: Chị kết hôn với anh Đinh Văn C1 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 10/4/2012 tại Ủy ban nhân dân

(UBND) xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ chị ở Bản B, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C1 thường xuyên cờ bạc, rượu chè và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thậm chí anh C1 còn sa ngã vào tệ nạn xã hội và sử dụng ma túy, chị và gia đình đã rất nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C1 vẫn không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau, mặc dù người thân trong gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng anh chị không cải thiện được mà ngày càng trở nên trầm trọng. Từ cuối năm 2017 anh C1 đã bỏ về sinh sống tại quê đẻ ở thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hà Nam, vợ chồng li thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Văn C1.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Đinh Văn C1 trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và thời điểm vợ chồng sống li thân đúng như chị C đã trình bày. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau. Nay chị C xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, các con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả cha lẫn mẹ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị C và anh C1 thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là Đinh Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2013 và Đinh Thị Thùy N, sinh ngày 24/6/2015, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị C. Chị C đề nghị khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cả hai cháu D và N, chị không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con. Anh C1 xin được nuôi dưỡng cháu N, giao cho chị C nuôi dưỡng cháu D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về con riêng: Chị C và anh C1 thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị C, anh C1 thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa

vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị C: Xử ly hôn giữa chị Lò Thị C và anh Đinh Văn C1. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Thùy D và Đinh Thị Thùy N cho chị C chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được, anh C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị C. Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn là chị Lò Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị C và anh Đinh Văn C1 là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 10/4/2012 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm; ngoài ra còn do nguyên nhân chị C nghi ngờ anh C1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và sa ngã vào tệ nạn xã hội dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi, chửi nhau. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh C1; còn anh C1 mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2013 là thực tế, từ cuối năm 2017 đến nay anh chị li thân nhau mỗi người một nơi không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa chị C và anh C1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị C được ly hôn anh C1 là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị C và anh C1 có hai con chung là Đinh Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2013 và Đinh Thị Thùy N, sinh ngày 24/6/2015, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị C. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét

xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi cần phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cũng như phải xem xét đến nguyện vọng của con chưa thành niên, đồng thời cũng tránh xáo trộn việc ăn ở, học hành của con và đảm bảo thuận tiện cho việc thi hành án về nuôi con. Xét thấy cháu D và cháu N đều là con gái nên cần được mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy dỗ mới đảm bảo sự phát triển toàn diện về tâm, sinh lí và thể chất; bản thân các cháu cũng đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ; ngoài ra, chị C đang làm nghề tự do có thu nhập ổn định, có xác nhận của UBND xã L, huyện C tỉnh Thanh Hóa nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con; hơn nữa, từ khi anh chị li thân nhau đến nay cả hai con đều do một mình chị C nuôi dưỡng ăn học ổn định. Vì vậy, cần giao cho chị C được quyền nuôi dưỡng cháu D và cháu N, anh C1 không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị C là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị C và anh C1 cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị C và anh Đinh Văn C1.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2013 và cháu Đinh Thị Thùy N, sinh ngày 24/6/2015 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C1 không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị C.

Chị C cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Án phí: Chị Lò Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000223 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị C đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho anh C1 biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị C vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã L, huyện. C, tỉnh Thanh Hóa (nơi cấp ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo